

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1989. Thường trú: xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1986. Thường trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Tạm trú: khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 4 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị M1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/01/2011 theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 05/2011 quyền số 01/2011 ngày 18/01/2011. Thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, ông M đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 4/2022 ông M đã dọn ra thuê phòng trọ ở riêng tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Từ tháng 4/2022, hàng tháng ông M vẫn gửi từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho bà M1 để phụ giúp bà M1 nuôi hai con. Ông M đang làm công nhân lái xe nâng có hợp đồng lao động tại Công ty TNHH P tại địa chỉ: phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết M2 và Nguyễn Ngọc Tường V. Hiện nay cháu M2 và cháu V đang sống với bà M1 tại địa chỉ: Nhà trọ Thanh Niên, Tổ 8, khu phố Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Nay, ông M không còn tình cảm gì đối với bà M1, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

1. Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị M1.
2. Về con chung: Yêu cầu giao 02 con chung Nguyễn Thị Tuyết M2, sinh ngày 30/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/6/2018 cho bà Nguyễn Thị M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn M tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Nguyễn Thị Tuyết M2 và Nguyễn Ngọc Tường V đủ 18 tuổi.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị M1 trình bày: Hai vợ chồng kết hôn với nhau từ năm 2010, có hai con chung, sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau năm 2021 ông M đòi ly hôn. Bà M1 rất thương chồng và lo cho con. Nguyên nhân ông M yêu cầu ly hôn là do ông M có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà M1 mong ông M suy nghĩ lại để hai vợ chồng cùng lo cho hai con. Về tài sản chung, nợ chung bà M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà M1 là trầm

trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M1, tạm trú: khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị M1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị M1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M với bị đơn bà Nguyễn Thị M1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 18/01/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông M xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, cùng nhau vun đắp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Đây cũng là nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà M1 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông M kiên quyết xin ly hôn. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà M1 đã trầm trọng nên việc ông M yêu cầu ly hôn với bà M1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông M và bà M1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M2, sinh ngày 30/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/6/2018, ông M yêu cầu giao 02 con chung cho bà M1 nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu M2 và cháu V đang sống chung với bà M1. Cháu M2 có nguyện vọng sống chung với bà M1, bà M1 có đủ điều kiện để nuôi con phát triển bình thường. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M2 và cháu V cho bà M1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Tuyết M2 và cháu Nguyễn Ngọc Tường V, đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với bà Nguyễn Thị M1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị M1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2011 quyền số 01/2011 ngày 18/01/2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M2, sinh ngày 30/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 05/6/2018 cho bà Nguyễn Thị M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Tuyết M2 và Nguyễn Ngọc Tường V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003716 ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận (01);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuyên